TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2026/DS-ST
Ngày: 10 - 8 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên

Ông Trương Công Sơn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Kim Lan - Thư ký Tòa án khu vực 2 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Cẩm Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1071/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1097/QĐ-TA ngày 22 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965. CCCD: 040165006438, cấp ngày 10/10/2025. Địa chỉ: Số F đường N, tổ G phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện ủy quyền bà H: Ông Phạm Hồng S - sinh năm: 1997; Trú tại: Số F N, tổ G phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số A đường C, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/01/2024 mẹ tôi có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 310.000.000 đồng, khi vay có viết giấy nhận nợ và hứa trả góp mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau khi vay bà T không thực hiện đúng cam kết, mặc dù mẹ tôi

nhiều lần yêu cầu nhưng vẫn không trả. Quá trình vay bà T có trả cho mẹ tôi được 90.000.000đồng, nay còn lại 220.000.000 đồng gốc và yêu cầu tính lãi từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 01 tháng 7 năm 2026 với số tiền 20.000.000 đồng. Yêu cầu bà T hoàn trả số tiền này.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị T Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và không có ý kiến phản hồi Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng: Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên toà xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ: Điều 463, 466, 468 BLDS, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng và lãi 20.000.000 đồng. Tổng cộng 240.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp khởi kiện hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt .

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 20/01/2024 bà Phạm Thị H có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 310.000.000 đồng, khi vay có viết giấy nhận nợ và hứa trả góp mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên bà T chỉ trả cho bà H được 90.000.000 đồng, là thôi không trả mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu nhưng vẫn không thực hiện. Nay bà H yêu cầu bà T hoàn trả nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi là

20.000.000đồng (lãi từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 01 tháng 7 năm 2026). Tổng số 240.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Việc bà Phạm Thị H cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 310.000.000đồng là có thực, sự việc này thể hiện chứng cứ chứng minh bà T có viết giấy mượn tiền cho bà H vào ngày 20/01/2024 và bà hẹn mỗi tháng trả cho bà H 20.000.000 đồng. Quá trình vay bà T trả được 90.000.000 đồng là thôi không trả nữa, bà T đã không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết. Mặt khác bị đơn bà Nguyễn Thị T quá trình khởi kiện Tòa án đã triệu tập cũng như thông báo đến hòa giải nhưng bà không hợp tác, phản hồi đối với việc khởi kiện của bà H đối với bà số tiền này do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T hoàn trả số tiền gốc 220.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 01 tháng 7 năm 2026 là 20.000.000 đồng, thấy số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà H phù hợp qui định của pháp luật dân sự nên chấp nhận. Buộc bà T có nghĩa vụ hoàn trả tổng số tiền là 240.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 12.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Tạm ứng án phí khởi kiện đối với nguyên đơn được miễn theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 BLDS.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng (trong đó 220.000.000 đồng gốc và 20.000.000 đồng lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 12.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Tạm ứng án phí khởi kiện đối với nguyên đơn được miễn theo qui định pháp luật.

3. Án xử công khai sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 2-ĐN;
- THADS TP. ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Anh